TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 THÀNH PHỐ H	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2025/HSST
Ngày 13-08-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11,
THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tám

Bà Ngô Thị Thúy Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố H: Bà Lương Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 08 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 28/2025/HSST ngày 25 tháng 07 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2025/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 08 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 05-01-1988 tại tỉnh B; Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Số D (số cũ 1) B, phường V, Thành phố H (cũ phường E, thành phố V, tỉnh B); Nơi ở: Số A Đ, phường P, Thành phố H (cũ phường A, thành phố V, tỉnh B), Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (chết) và bà Đặng Thị Q; Vợ: Nguyễn Thị Kim T1; có 01 con, sinh năm 2023; Tiền sự: không.

Tiền án:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2006/HSST ngày 25-12-2006 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B xử phạt 42 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong hình phạt tù năm 2009, đã thực hiện xong nghĩa vụ đóng án phí, chưa thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm dân sự.

- Bản án hình sự phúc thẩm số 35/2012/HSPT ngày 20-03-2012 của Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 13 năm tù về tội "Cướp tài sản". Chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-01-2021, được đình chỉ thi hành án đối với án phí hình sự sơ thẩm, phúc thẩm, án phí dân sự sơ thẩm ngày 30-11-2017, chưa thực hiện nghĩa vụ trách nhiệm dân sự.

Bị bắt ngày 28 tháng 01 năm 2025; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực V – Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (bị cáo có mặt).

2. Phạm Phi T, sinh ngày 01-02-1982 tại Thành phố H; Giới tính: Nam; Nơi thường trú và nơi ở: Ấp P, xã L, Thành phố H (cũ ấp P, xã P, huyện L, tỉnh B); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T2 (chết) và bà Trần Thị S (chết); Vợ: Huỳnh Thị Thu T3; có ba con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án- Tiền sự: không; Bị bắt ngày 28 tháng 01 năm 2025; hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực V – Trại tạm giam số 1, Công an Thành phố H (bị cáo có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Hữu N, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Số G B, phường R, Thành phố H (vắng mặt).

2. Trương Tiến S1, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Số C L, phường V, Thành phố H (vắng mặt).

3. Nguyễn Văn L, sinh năm 1999 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

4. Trần Trung D1, sinh năm 1996 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

5. Nguyễn Văn H1, sinh năm 1999 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

6. Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1989 – Địa chỉ: Số A B, phường P, Thành phố H (vắng mặt).

7. Nguyễn Chấn T4, sinh năm 1990 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

8. Phạm Anh T5, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

9. Bùi Văn T6, sinh năm 1984 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

10. Trần Ngọc T7, sinh năm 1980 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

11. Phạm Văn B, sinh năm 1981 – Địa chỉ: Cơ sở cai nghiện số F, Thành phố H (vắng mặt).

12. Phạm Trường G, sinh năm 1998 – Địa chỉ: Số C P, Phường V, Thành phố H (vắng mặt).

13. Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1961- Địa chỉ: Số D (số C) B, phường V, Thành phố H (cũ Phường E, thành phố V, tỉnh B) – (mẹ bị cáo D - có mặt).

14. Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991 - Địa chỉ: Số A Đ, phường P, Thành phố H (cũ phường A, thành phố V, tỉnh B) – (vợ bị cáo D – có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 09 giờ 04 phút ngày 28-01-2025, tại phía sau hàng cây số 1329 trên quốc lộ E (km77), đoạn đường đất bên hông dự án trụ sở Công an thành phố V thuộc phường A, thành phố V, tỉnh B (nay là phường P, Thành phố H), lực lượng chức năng phát hiện bắt quả tang Phạm Phi T thực hiện hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng.

Thu giữ vật chứng gồm: 01 gói nylon dạng túi zip bên trong chứa chất bột màu trắng (T khai nhận đây là ma túy loại heroine), 01 ống thủy tinh chứa nước cất, 01 ống kim tiêm, 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, IMEI: 868311055848917, số sim 0707153690, 01 xe mô tô loại Honda Wave S màu đen, biển số 72S2-5406; số khung: RLHGC4318AY634876; số máy: JC43E-1344677.

Qua điều tra ban đầu, Phạm Phi T khai nhận: T thường xuyên sử dụng ma túy loại heroin từ khoảng tháng 01/2025 đến nay. Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28-01-2025, do có nhu cầu sử dụng ma túy loại heroine nên T chạy xe Honda Wave S màu đen, biển số 72S2-5406 từ khu vực P qua thành phố V, đồng thời trên đường T ghé tiệm thuốc tây mua nước cất và một ống kim tiêm.

Tiếp đó, T liên hệ với Nguyễn Văn D qua điện thoại số 0326.269.280 hỏi mua heroine với giá 300.000 đồng, D đồng ý và hẹn T đến khu vực gần bên hông Tòa án nhân dân thành phố V để hai bên mua bán ma túy. T lái xe đến địa điểm đã hẹn, liên lạc cho D, D chạy xe máy hiệu SH màu đen đến đưa cho T gói nylon ma túy H2, T trả D 300.000 đồng rồi cầm ma túy đến đoạn đường đất bên hông dự án trụ sở Công an thành phố V để sử dụng thì bị phát hiện bắt quả tang, thu giữ cùng vật chứng. T khai nhận gói ma túy mua của D.

Căn cứ lời khai và biên bản nhận dạng của Phạm Phi T, cùng ngày 28-01-2025, Cơ quan điều tra ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn D.

Thu giữ của D:

- 11 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất kết tinh không màu, trong suốt (D khai là ma túy đá);

- 14 gói nylon hàn kín bên trong có chứa chất rắn, màu trắng, (D khai là ma túy loại heroine);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, số imei 0354841669384785, số sim 0326.269.280;

- 01 điện thoại di động hiệu MXMID, số imei 868313070386634, số 0397219534;

- 01 xe mô tô Honda SH màu đen, biển số 72E1 – 940.42, số khung: RLHKF4230PY061902; số máy: KF42E3032213.

- Tiền Việt Nam: 113.000.000 đồng.

Tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Văn D tại địa chỉ số A Đ, Phường A, thành phố V, tỉnh B (nay là phường P, Thành phố H) thu giữ các vật chứng, tài sản gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max; Số I: 356189750302961, số sim 0969.516.617

- 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 72C2 – 613.18, số khung: RLHJK0119PZ401302; số máy: JK01E0486437.

- Tiền Việt Nam: 174.650.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn D khai nhận: D không có việc làm ổn định nên nảy sinh ý định bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời, thu lợi. Từ khoảng tháng 12-2024, D bắt đầu thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy trên địa bàn tỉnh B. D hai lần mua ma túy của một người tên là H1 (chưa xác định được nhân thân), giao dịch tại khu vực cầu P, Quận G, Thành phố H, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng cuối tháng 12 năm 2024, D gặp H1 để mua 4.000.000 đồng ma túy đá và ma túy Heroine. Sau đó, D mang số ma túy trên về nhà tại A Đ, phường A, thành phố V phân chia thành những túi zip nhỏ rồi bán cho các đối tượng nghiện tại khu vực thành phố V, mỗi gói nhỏ ma túy dạng Heroine D bán với giá 300.000 đồng, mỗi gói nhỏ ma túy dạng đá bán với giá 200.000 đồng, mỗi D bán khoảng từ hai đến ba người, bán đến ngày 15-01-2025 thì hết, thu lợi 2.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 16-01-2025, D tiếp tục liên hệ với H1 mua ma túy với giá 4.000.000 đồng, mang về chia nhỏ và bán cho những người có nhu cầu sử dụng. Ngày 28-01-2025, D bán ma túy cho Phạm Phi T 01 gói Heroine với giá 300.000 đồng thì bị bắt quả tang như trên. Ngoài ra, trước đó D còn bán 01 gói ma túy loại Heroine với giá 200.000 đồng cho một người đàn ông ở khu vực cảng I, phường E, thành phố V.

Tiến hành điều tra mở rộng, Cơ quan điều tra làm việc với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là những đối tượng đã thực hiện hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, đều xác nhận đã mua ma túy từ Nguyễn Văn D, loại heroine và ma túy đá mua với giá tiền từ 200.000 đồng đến 500.000 đồng. Kiểm tra điện thoại các đối tượng Nguyễn Hữu N, Trần Trung D1, Nguyễn Văn L, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Chấn T4, Phạm Anh T5 thể hiện có lịch sử cuộc gọi với số điện thoại mà D1 sử dụng (0326269280 hoặc 0397219634). Trong số đó có Nguyễn Văn L, Trần Trung D1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Chấn T4, Phạm Anh T5, Bùi Văn T6, Trần Ngọc T7, Phạm Văn B đã bị Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Bản kết luận giám định số 180/KL-KTHS-MT ngày 01-02-2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

- 01 phong bì màu trắng được niêm phong (số thứ tự 01) bên trong có 14 gói nylon hàn kín chứa chất rắn màu trắng (mẫu A1) có khối lượng 3,3430 gam, là ma tuý loại Heroine;

- 01 phong bì màu trắng được niêm phong (số thứ tự 02), bên trong có 11 gói nylon hàn kín chứa chất kết tinh không màu trong suốt (mẫu A2) có khối lượng 3,2428 gam, là ma tuý loại Methamphetamine.

Bản kết luận giám định số 186/KL-KTHS-MT ngày 03-02-2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: 01 phong bì màu trắng được niêm phong, bên trong có 01 gói nilon hàn kín chứa chất bột màu trắng (mẫu A) có khối lượng 0,1335 gam, là ma tuý loại Heroine.

Bản cáo trạng số 19/CT-VKSKV11 ngày 23-07-2025, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố H đã truy tố Nguyễn Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo các điểm b, p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Phạm Phi T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo Nguyễn Văn D thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy", hành vi bị cáo Phạm Phi T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, p, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo D mức án từ 10 đến 11 năm tù giam; xử phạt hình phạt bổ sung phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù giam.

- Đề nghị xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 gói ma túy niêm phong số 180/1, 180/2 ngày 02-02-2025; 01 phong bì niêm phong số 186 ngày 03-02-2025; 01 ống thủy tinh chứa nước cất, 01 ống tiêm;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng; 01 xe mô tô loại Honda Wave S màu đen, biển số 72S2-5406; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax; 01 điện thoại di động hiệu MXMID, 01 xe máy Honda SH màu đen, biển kiểm soát 72E1 – 940.42.

+ Trả lại bà Nguyễn Thị Kim T: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max; 01 xe máy hiệu Honda SH Mode, biển số 72C2 – 613.18 số khung: RLHJK0119PZ401302, số máy: JK01E0486437.

+ Trả lại bà Đặng Thị Q số tiền 287.650.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; các bị cáo không có ý kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần mức án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo T xác định bị bắt quả tang vào sáng ngày 28-01-2025, tại khu vực thuộc phường A, thành phố V, tỉnh B (mới phường P, Thành phố H) khi đang tàng trữ trái phép 0,1335 gam ma túy loại Heroine nhằm mục đích sử dụng.

Bị cáo D xác định bị bắt quả tang khi đang tàng trữ trái phép 3,2428 gam ma túy Methamphetamine và 3,3430 gam ma tuý Heroine, mục đích bán cho các đối tượng nghiện nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo D thừa nhận đã bán 0,1335 gam ma túy Heroine với giá 300.000 đồng cho bị cáo T vào sáng ngày 28-01-2025; thừa nhận từ cuối tháng 12-2024 đến trước khi bị bắt đã nhiều lần bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện liên quan trong vụ án.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi bị cáo T thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo D đã hai lần bị kết án, đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Tổng khối lượng các chất ma túy bị cáo D tàng trữ mục đích bán trái phép là 6,7193 gam (3,2428 gam ma túy Methamphetamine và 3,3430 gam ma tuý Heroine). Bị cáo đã nhiều lần mua bán trái phép chất ma túy cho các đối tượng nghiện. Vì vậy, hành vi bị cáo D thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại điểm các điểm b, p, q khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra là nguy hiểm cho xã hội, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác; ảnh hưởng xấu trật tự an ninh tại địa phương, nên cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều

51 Bộ luật hình sự. Gia đình bị cáo D thuộc diện chính sách là gia đình liệt sỹ được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ Nguyễn B1 (bác ruột bị cáo D), nên bị cáo D được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Xét bị cáo D thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội số tiền 2.500.000 đồng, nên buộc bị cáo D phải nộp số tiền này sung vào ngân sách nhà nước.

[6]. Về trách nhiệm hành chính: Những đối tượng nghiện là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến gì về phần biện pháp hành chính đã bị các cơ quan chức năng áp dụng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng:

- 02 gói ma túy niêm phong số 180/1, 180/2 ngày 02-02-2025 của Phòng K Công an tỉnh B, là chất nhà nước cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 phong bì niêm phong số 186 ngày 03-02-2025 của Phòng K Công an tỉnh B (mẫu vật đã sử dụng hết trong quá trình giám định), không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 ống thủy tinh chứa nước cất, 01 ống tiêm, bị cáo T dùng sử dụng ma túy, không còn giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, IMEI: 868311055848917, số sim 0707153690; 01 xe mô tô loại Honda Wave S màu đen, biển số 72S2-5406, số khung: RLHGC4318AY634876, số máy: JC43E-1344677; là tài sản hợp pháp của bị cáo T nhưng sử dụng liên quan đến tội phạm, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, số imei 0354841669384785, số sim 0326.269.280; 01 điện thoại di động hiệu MXMID, số imei 868313070386634, số 0397219534; là tài sản hợp pháp của bị cáo D, nhưng sử dụng liên quan đến tội phạm, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max; Số I: 356189750302961, số sim 0969.516.617; 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 72C2 – 613.18, số khung: RLHJK0119PZ401302, số máy: JK01E0486437; là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim T (vợ bị cáo D), không liên quan đến hành vi tội phạm, nên trả lại bà T;

- 01 xe máy Honda SH màu đen, biển số 72E1 – 940.42, số khung: RLHKF4230PY061902; số máy: KF42E3032213 là tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Đặng Thị Q (mẹ bị cáo D), bà Q không biết D mượn xe sử dụng phạm tội, nên trả lại xe này cho bà Q;

- Số tiền 287.650.000 đồng là tài sản có nguồn gốc thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bà Đặng Thị Q (mẹ bị cáo D), nên trả lại số tiền này cho bà Q.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Phạm Phi T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Áp dụng: Điểm b, p, q khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn D 10 (mười) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2025.

3. Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 50; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt Phạm Phi T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 01 năm 2025.

4. Hình phạt bổ sung: Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 32; khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự; Xử phạt Nguyễn Văn D hình phạt bổ sung là phạt tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) nộp sung vào ngân sách nhà nước.

5. Biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; buộc Nguyễn Văn D phải nộp 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

6. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 02 gói ma túy niêm phong số 180/1, 180/2 ngày 02-02-2025; 01 phong bì niêm phong số 186 ngày 03-02-2025; 01 ống thủy tinh chứa nước cất, 01 ống tiêm;

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô loại Honda Wave S màu đen, biển số 72S2-5406, số khung: RLHGC4318AY634876, số máy: JC43E-1344677; 01 điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng, IMEI: 868311055848917, số sim 0707153690; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, số imei 0354841669384785, số sim 0326.269.280; 01 điện thoại di động hiệu MXMID, số imei 868313070386634, số 0397219534;

- Trả lại bà Nguyễn Thị Kim T: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro max; số Imei: 356189750302961, số sim 0969.516.617; 01 xe mô tô hiệu Honda SH Mode, biển số 72C2 – 613.18, số khung: RLHJK0119PZ401302, số máy: JK01E0486437;

- Trả lại bà Đặng Thị Q 01 xe mô tô Honda SH màu đen, biển số 72E1 – 940.42, số khung: RLHKF4230PY061902, số máy: KF42E3032213 và số tiền 287.650.000 đồng (hai trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

Vật chứng nêu trên Phòng thi hành án dân sự Khu vực 11, Thành phố H quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 25/BB-PTHADS (11) ngày 11-08-2025 và Giấy nộp tiền mặt ngày 11-08-2025A.

7. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

8. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.H;
- VKSND TP.H;
- Công an TP.H;
- Sở Tư pháp TP.H;
- VKSND Khu vực 11, TP.H;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, TP.H;
- Phân trại tạm giam khu vực V – Trại tạm giam số 1, Công an TP.H;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Thanh Hảo